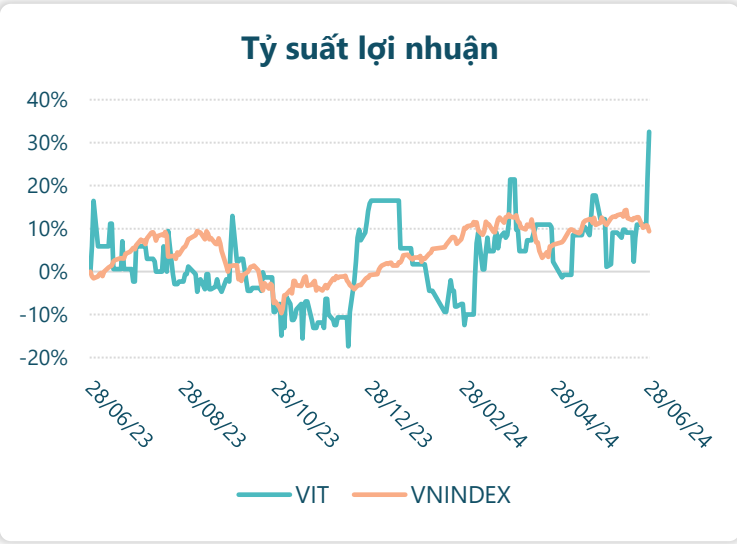


Ngày	21,500 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	30.3%	9.1%	21.5%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	13,400 - 21,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,075
Số lượng CPLH (CP)	49,999,664
KLGD BQ 20 phiên (CP)	17,520
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	(0.24)
EPS	160
P/E	134.7



Doanh thu thuần
Q2/24

505

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 126 | 33.3%

YoY: ▼21.0 | -3.9%

Nợ/VCSH
Q2/24

283%

YoY: +/-▼ 17.8%

LN gộp
Q2/24

47.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 36.8 | 350%

YoY: ▲ 10.7 | 29.2%

ROE (TTM)
Q2/24

1.4%

YoY: +/-▲ 5.3%

LN trước thuế
Q2/24

20.3

tỷ VNĐ

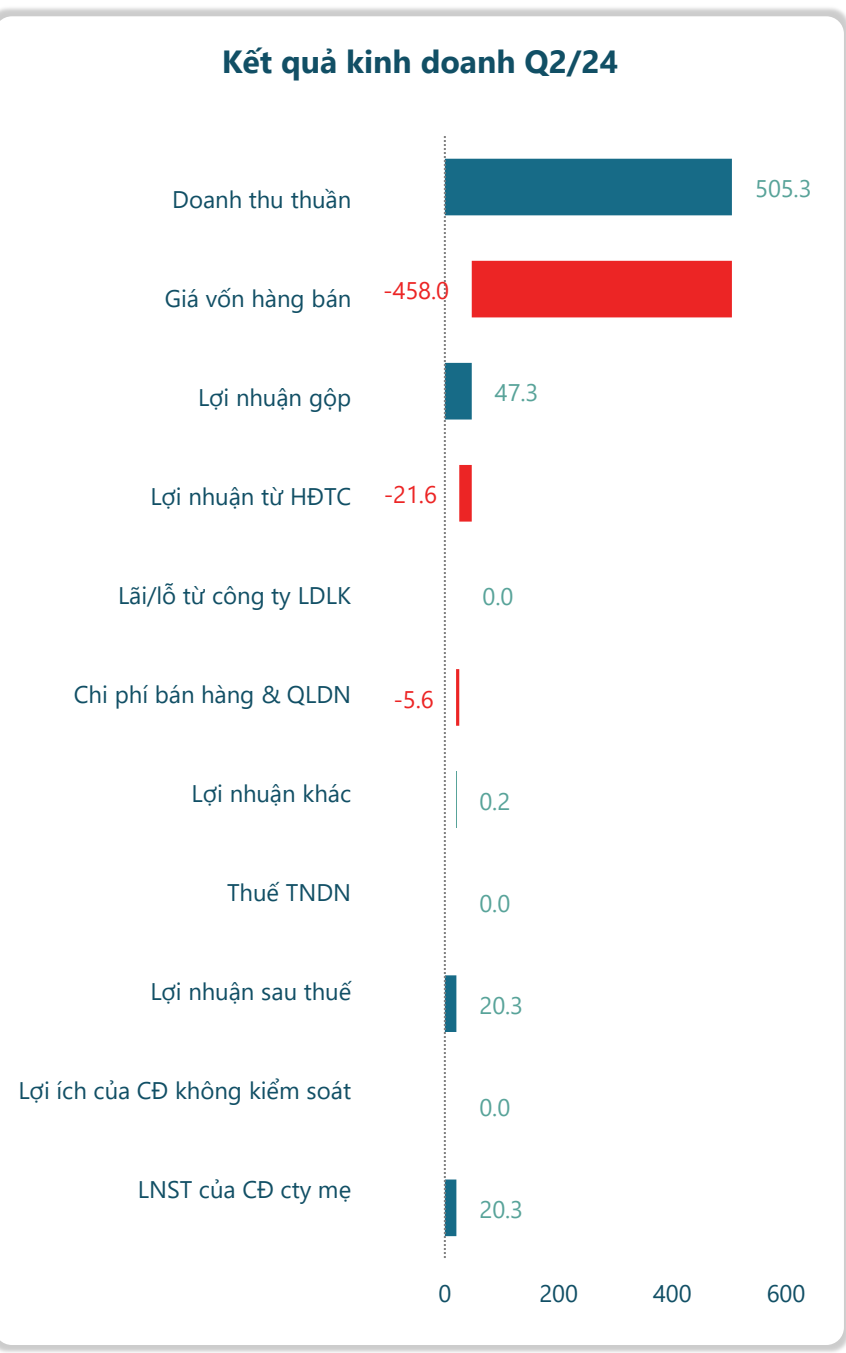
QoQ: ▲ 52.6 | 163%

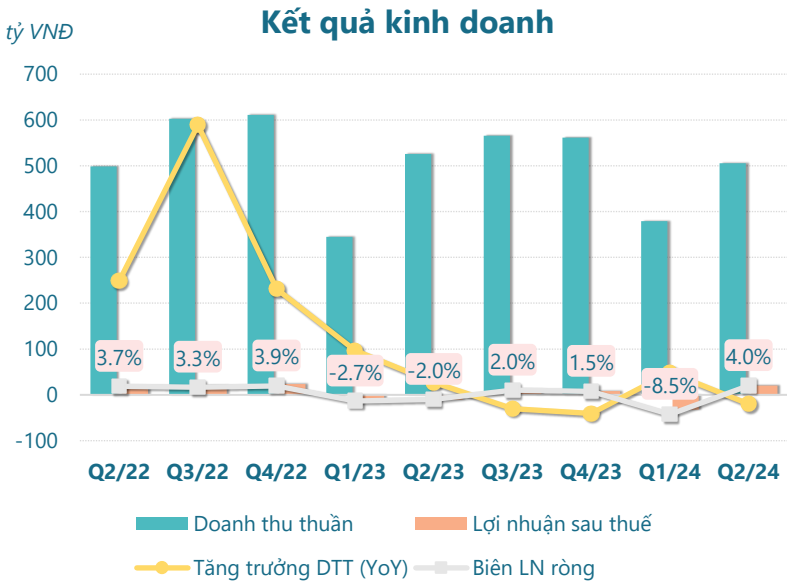
YoY: ▲ 29.2 | 328%

ROA (TTM)
Q2/24

0.3%

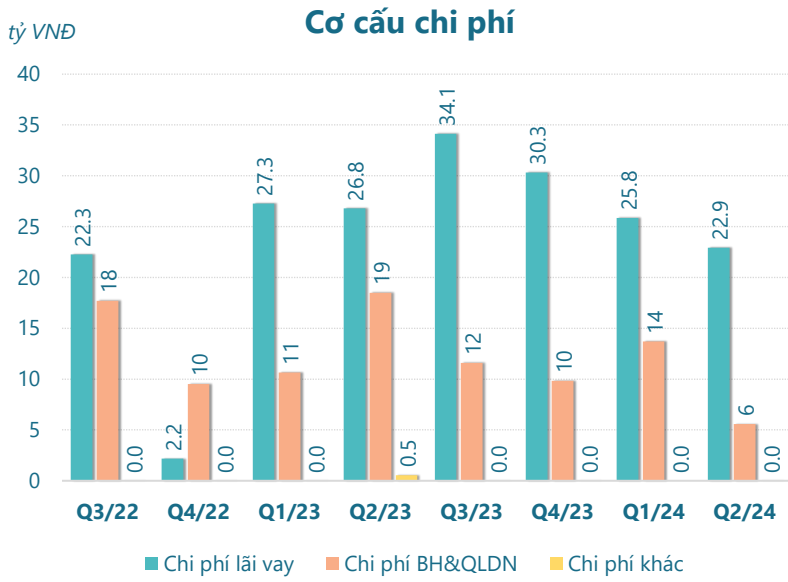
YoY: +/-▲ 1.8%





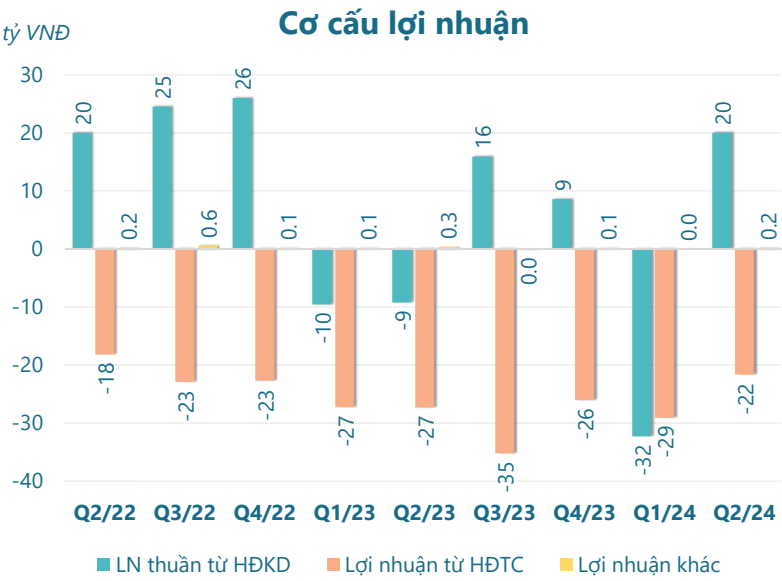
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 20.04 tỷ đồng**, tăng thêm 52.33 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 29.24 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 21.65 tỷ đồng** tăng thêm 7.40 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 5.64 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.21 tỷ đồng**, tăng thêm 0.21 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 32.3% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **VIT** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **505.3 tỷ đồng** giảm đi **3.91%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 20.25 tỷ đồng**, **tăng thêm 30.77 tỷ đồng** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **884.0 tỷ đồng** cao hơn 1.49% so với cùng kỳ năm trước, **Lũy kế 6 tháng** đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **884.0 tỷ đồng** cao hơn 1.49% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lỗ -12.00 tỷ đồng** tăng thêm



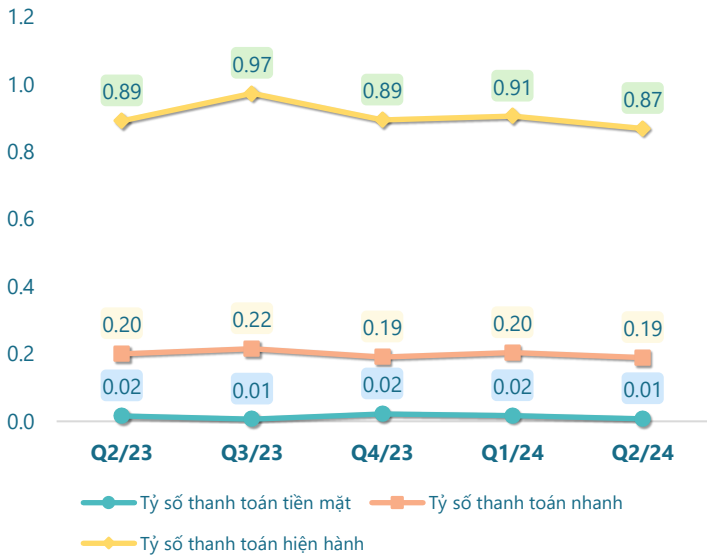
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **22.93 tỷ đồng** giảm đi 11.3% so với kỳ trước và thấp hơn 14.4% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **5.59 tỷ đồng** giảm đi 59.2% so với kỳ trước và thấp hơn 69.8% so với cùng kỳ năm trước.

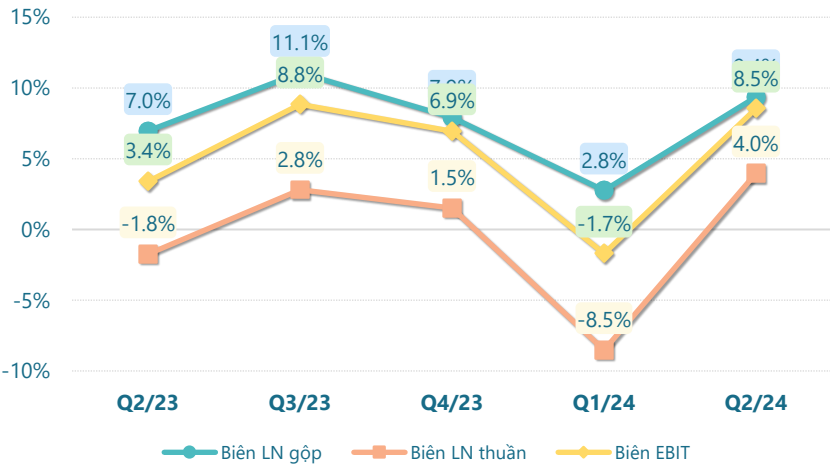
Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và thấp hơn 100.0% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	505	379	33.3%	526	-3.9%	884	871	1.5%
Giá vốn hàng bán	458	369	24.1%	489	-6.3%	827	806	2.5%
Lợi nhuận gộp	47.3	10.5	350%	36.6	29.2%	57.7	65.0	-11.1%
Doanh thu HĐTC	0.02	0.00		0.25	-92.8%	0.02	0.72	-97.1%
Chi phí TC	21.7	29.1	-25.5%	27.5	-21.2%	50.7	55.3	-8.2%
Chi phí lãi vay	22.9	25.8	-11.1%	26.8	-14.4%	48.8	54.1	-9.8%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.35	6.75	-80.1%	12.7	-89.4%	8.10	17.3	-53.1%
Chi phí QLDN	4.24	6.94	-38.9%	5.83	-27.2%	11.2	11.9	-5.9%
LN thuần từ HĐKD	20.0	-32.3	162%	-9.20	318%	-12.2	-18.8	34.7%
Lợi nhuận khác	0.21	0.00		0.31	-31.8%	0.21	0.46	-53.9%
LN trước thuế	20.3	-32.3	163%	-8.89	328%	-12.0	-18.3	34.2%
Lợi nhuận sau thuế	20.3	-32.3	163%	-10.5	293%	-12.0	-19.9	39.6%
LNST của CĐ cty mẹ	20.3	-32.3	163%	-10.5	293%	-12.0	-19.9	39.6%

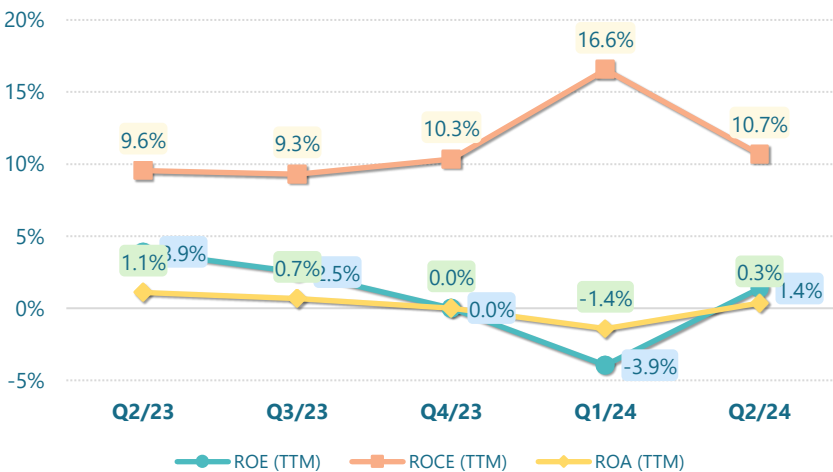
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

